

Nghiên cứu bình đẳng giới trong gia đình ở Việt Nam: Một số khía cạnh phương pháp cần quan tâm

Nguyễn Hữu Minh

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến một số khía cạnh cần được quan tâm về mặt phương pháp khi nghiên cứu bình đẳng giới trong gia đình thông qua việc phân tích vấn đề quyền quyết định và sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình. Một số điểm cần lưu ý về đo lường quyền quyết định là gắn kết quyền quyết định với việc làm chính; lựa chọn mô hình quyền quyết định; xây dựng chỉ số đánh giá chung về mức độ bình đẳng giới trong việc ra quyết định; chú ý đến quá trình và sự tương tác giữa vợ và chồng trong việc ra quyết định. Về đo lường sự phân công lao động cần chú ý đến thời gian làm việc; lượng hóa giá trị công việc gia đình; phân tích mối quan hệ giữa phân công lao động theo giới và bất bình đẳng giới; tác động của phân công lao động theo giới đến vai trò, vị trí của người phụ nữ trong gia đình. Đối với việc phân tích các yếu tố tác động, bài viết nhấn mạnh đến sự vận dụng các lý thuyết khác nhau cũng như áp dụng các mô hình phân tích đa biến nhằm giải thích tốt hơn bản chất vấn đề quyền quyết định và sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bình đẳng giới; Gia đình; Nghiên cứu; Phương pháp; Chỉ báo; Yếu tố tác động; Quyền quyết định; Phân công lao động.

1. Mở đầu

Các nghiên cứu bình đẳng giới trong gia đình ở Việt Nam thường rất quan tâm đến hai vấn đề là phân tích về quyền quyết định và phân công lao động trong gia đình giữa vợ và chồng. Dù thực hiện ở các quy mô và địa bàn khác nhau, kết luận khá phổ biến từ các nghiên cứu là người chồng thường quyết định những việc được coi là lớn, là quan trọng trong gia đình còn người vợ quyết định những việc thuộc về đời sống hàng ngày. Đối với khuôn mẫu sự phân công lao động thì thông thường người vợ làm các công việc gia đình, sự chia sẻ của người chồng rất ít ỏi (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan khác, 2008; Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008; Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008). Kết quả các nghiên cứu cho thấy một bức tranh hiện thực về các khía cạnh liên quan đến bình đẳng giới trong gia đình, tuy nhiên cũng đặt ra một số điểm cần được quan tâm về mặt phương pháp để có những nhận định thuyết phục hơn và điều hết sức quan trọng là chỉ ra những yếu tố thực sự dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới, từ đó có các biện pháp khắc phục. Bài viết này đề cập đến một số khía cạnh cần được quan tâm trong việc đo lường bình đẳng giới và phân tích các yếu tố tác động đối với quyền quyết định trong gia đình và sự phân công lao động giữa vợ và chồng.

2. Các chỉ báo đo lường về bình đẳng giới

Một trong những vấn đề khó khăn trong nghiên cứu xã hội chính là việc xây dựng các chỉ báo đo lường nhằm có được những thông tin chính xác về câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Phân tích về quyền quyết định trong gia đình và sự phân công lao động trong gia đình gắn với vấn đề bình đẳng giới đòi hỏi phải có được những chỉ báo đo lường chính xác tình trạng bất bình đẳng giới trong gia đình.

a) Quyền quyết định trong gia đình

Trước hết là về quyền quyết định trong gia đình. Trong mối quan hệ giữa vợ và chồng, việc xác định ai là người có quyền quyết định về các vấn đề trong gia đình thường được coi là cơ sở để đánh giá thực sự có bình đẳng giới trong mối quan hệ gia đình hay không.

Phương pháp chủ yếu hiện nay là xác định ai là người có quyền quyết định chủ yếu hay cuối cùng trong một số lĩnh vực như sản xuất/kinh doanh; mua bán/xây sửa nhà đất; chi tiêu hàng ngày; mua sắm đồ đạc đắt tiền; tổ chức giỗ tết; v.v.. Nhìn chung người chồng có nhiều quyền quyết định hơn đối với các công việc như sản xuất, kinh doanh; vay vốn; xây sửa nhà đất; mua đồ đạc đắt tiền; vay vốn. Chỉ có hoạt động chi tiêu gia đình có tỷ lệ người vợ quyết định cao hơn người chồng rõ rệt. Ngoài ra, thông thường người vợ quyết định nhiều hơn đối với các hoạt động như

chăm sóc con cái, chăm sóc người già (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan khác, 2008; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2014).

Câu hỏi đặt ra là việc đo lường quyền quyết định trong gia đình như hiện nay đã đủ căn cứ để trả lời về tình trạng bất bình đẳng giới trong đời sống gia đình hay chưa. Bất bình đẳng giới là sự đối xử khác biệt với nam và nữ dẫn đến cơ hội khác nhau, sự tham gia khác nhau, tiếp cận và kiểm soát các nguồn khác nhau và sự thụ hưởng khác nhau mà sự khác biệt này là dựa trên giới tính. Nói cách khác, cần phải chỉ ra được rằng việc người chồng hay người vợ có quyền quyết định khác nhau là do dựa trên cơ sở giới tính chứ không phải vì một lý do nào khác.

Như vậy, trước hết cần phải có một cách đo lường chính xác đối với quyền quyết định trong từng lĩnh vực, chẳng hạn đối với sản xuất, kinh doanh thì đó phải là công việc chung của cả gia đình. Hầu hết các nghiên cứu hiện nay đều đo lường quyền quyết định qua một câu hỏi chung là lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hay vay vốn mà không chỉ rõ đó là hoạt động chung của cả gia đình (ít nhất là của chung của vợ và chồng) hay ứng với 1 người. Hơn thế nữa việc ra quyết định về một lĩnh vực nào đó thường gắn với vấn đề là người làm chính về lĩnh vực. Cần thiết phải có sự phân tích gắn kết giữa quyền quyết định và công việc làm chính để xác định chính xác hơn mức độ bình đẳng trong gia đình.

Điểm thứ hai là nếu chúng ta coi sự khác biệt về tỷ lệ ra quyết định về các lĩnh vực là chỉ báo về bất bình đẳng giới thì mục tiêu chúng ta phấn đấu trong tương lai là như thế nào? Sẽ là nâng tỷ lệ phụ nữ có quyền quyết định cuối cùng lên ngang bằng với nam giới hay mục tiêu chính sẽ là mô hình cả hai đều ra quyết định?

Điểm thứ ba, cần có sự phân tích sâu hơn để đánh giá tổng thể về bình đẳng giới trong việc ra quyết định. Chẳng hạn, thông thường nam giới quyết định nhiều hơn phụ nữ trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chung hay hôn nhân con cái, còn phụ nữ quyết định nhiều hơn nam giới trong lĩnh vực nuôi con và chi tiêu hàng ngày trong gia đình. Như vậy, ngoài việc đánh giá mức độ khác biệt đối với từng lĩnh vực thì cần xây dựng chỉ số đánh giá chung về mức độ bình đẳng giới trong việc ra quyết định.

Điểm thứ tư, các nghiên cứu mới nhấn mạnh đến thu thập thông tin định lượng mô tả tỷ lệ ai là người ra quyết định mà chưa chú ý đến quá trình và sự tương tác giữa vợ và chồng trong việc ra quyết định. Thực tế việc ra quyết định là một quá trình phức tạp, đòi hỏi có thời gian cân nhắc, bàn bạc, ra quyết định. Có thể quyết định cuối cùng là do người vợ hay người chồng quyết định nhưng sự tham gia dân chủ của người còn lại có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân tích về bình đẳng giới. Tuy nhiên, hiện nay, các nghiên cứu mới chỉ chú ý đến kết quả về ra quyết định hơn

là quá trình đi đến quyết định đó.

b) Về sự phân công lao động theo giới trong gia đình

Khi nghiên cứu về phân công lao động theo giới trong gia đình, tập trung chủ yếu của các tác giả là phân công công việc nội trợ (nấu ăn, đi chợ, giặt giũ, v.v.), một loại hình công việc mà gần như kết quả có thể đoán trước, đó là người phụ nữ làm là chính. Sự phân công trong các loại hình công việc khác như sản xuất, kinh doanh gia đình, giao tiếp, hay sửa chữa các vật dụng trong gia đình, khiêng vác, v.v. còn ít được đề cập đến hoặc chỉ được phân tích một cách riêng rẽ. Vì vậy việc đánh giá một cách tổng hợp, chính xác về sự tham gia của hai giới vào lao động gia đình có những khó khăn nhất định.

Cách đo lường hiện nay về phân công lao động trong gia đình chủ yếu là liệt kê các công việc và hỏi xem ai là người chủ yếu làm những công việc đó mà không chú ý đến sự khác biệt về thời gian dành cho các loại công việc cả trong và ngoài gia đình. Nếu chỉ dùng tiêu chí ai là người chủ yếu làm những công việc nhà, thậm chí có phân tích thêm tiêu chí thời gian làm những công việc nhà đó, thì chưa đủ để kết luận chính xác về những lý do gắn liền với sự phân công lao động theo giới trong gia đình. Trong rất nhiều trường hợp, khi người vợ là người chủ yếu làm những công việc nhà, thì cũng trong thời gian đó người chồng nhọc nhằn với những kiếm sống hàng ngày cho gia đình. Nói cách khác, không xác định được thời gian dành cho công việc gia đình và những công việc ngoài gia đình, hiệu quả của nó thì rất khó đánh giá về mức độ bất bình đẳng của phân công lao động trong gia đình.

Vấn đề lượng hóa giá trị các công việc gia đình chưa được quan tâm một cách thích đáng. Việc xem xét xu hướng thay đổi về phân công lao động trong gia đình cũng gặp khó khăn vì hầu hết là các nghiên cứu được đo tại một thời điểm và không có cơ sở để so sánh giữa các địa bàn khác nhau do không bảo đảm tính chất đại diện, ngoại trừ việc so sánh với khuôn mẫu phân công lao động truyền thống.

Vấn đề khó khăn hơn nhiều so với việc chỉ ra thực trạng phân công lao động theo giới trong gia đình chính là mối quan hệ giữa việc phân công lao động theo giới với vấn đề bất bình đẳng giới ở Việt Nam.

Phân công lao động theo giới trả lời câu hỏi “ai làm gì?” và cho phép chỉ ra những khác biệt và bất hợp lý từ góc độ giới trong công việc, lợi ích và địa vị xã hội của phụ nữ và nam giới. Vì vậy, phân tích phân công lao động theo giới là rất quan trọng để tìm hiểu vấn đề bình đẳng giới trong gia đình (Lê Thị, 2002, Đỗ Thị Bình và Trần Thị Vân Anh, 2003). Tuy nhiên, trong thực tế còn ít người đưa ra các tiêu chí đo lường cụ thể

về quan hệ giữa hai vấn đề này. Một yêu cầu quan trọng của việc phân tích bình đẳng giới ở đây là lượng hóa bằng tiền sự đóng góp của người phụ nữ thông qua các công việc nội trợ trong gia đình, hơn thế nữa, phải chỉ ra được mối liên hệ giữa những đóng góp của họ với địa vị còn thấp kém của phụ nữ do bị nhìn nhận không phải là trụ cột kinh tế. Nói cách khác, đồng thời với việc lượng hóa đúng giá trị đóng góp của người phụ nữ thông qua lao động trong gia đình, cần phải chỉ ra được thái độ của những người trong gia đình, đặc biệt là người chồng, đối với người vợ và đóng góp của vợ từ những công việc gia đình. Như Đỗ Thị Bình và Trần Thị Vân Anh (2003) nhấn mạnh, sẽ là bất bình đẳng nếu một người vợ/hoặc chồng thực hiện công việc nhà vất vả nhưng người còn lại coi thường những công việc đó, coi đó là những công việc “vật vãnh”.

Trong thực tế, quan niệm của người dân về mức độ công sức và thời gian bỏ ra cho các công việc nội trợ cũng khác nhau. Có ý kiến cho rằng công việc này rất tốn thời gian và công sức, có ý kiến thì cho rằng chỉ tốn thời gian mà không tốn công sức và ngược lại. Tuy nhiên, nhìn chung dù người trả lời là chồng hay vợ thì cũng đã nhìn thấy được phân nào giá trị và công sức của người thực hiện công việc nội trợ phải bỏ ra (Đặng Thanh Nhân, 2005). Chính sự phát triển của kinh tế thị trường cùng với việc mở rộng cơ hội việc làm, đặc biệt là cho những người phụ nữ nông thôn ra đô thị tìm kiếm việc làm đã tạo điều kiện để nâng cao giá trị các công việc nội trợ và làm cho người chồng đánh giá ngày càng đúng hơn những đóng góp của người vợ trong các công việc gia đình.

Đánh giá cao những đóng góp về thời gian, công sức và tiền bạc của người vợ, người phụ nữ chủ yếu làm công việc nội trợ trong gia đình là một dấu hiệu tốt thể hiện sự trân trọng của các thành viên gia đình đối với những công việc mệt mỏi, buồn tẻ nhưng rất quan trọng này. Đó là một chỉ báo cần phân tích khi nghiên cứu về bình đẳng giới trong phân công lao động gia đình giữa vợ và chồng.

Như vậy, ngoài các tiêu chí “người chủ yếu thực hiện các công việc nội trợ”, “thời gian thực hiện các công việc nội trợ”, cần có thêm tiêu chí “sự đánh giá” của vợ và chồng về việc thực hiện công việc nhà. Sự đánh giá của mỗi giới cần được xem là vấn đề cốt lõi khi bàn về vấn đề bình đẳng. Nếu như người vợ, hoặc người chồng làm công việc nội trợ, trong khi người còn lại đóng vai trò trụ cột về kinh tế, thì điều đó có thể vẫn được coi là bình đẳng nếu như lao động làm công việc nhà được đánh giá như những lao động kiếm sống khác, một lao động với những hao tổn về thời gian, sức lực và đem lại giá trị kinh tế. Chính vì thế, không thể bỏ qua tiêu chí này khi xem xét vấn đề bình đẳng giới trong thực hiện công việc nội trợ.

Trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam, với hộ gia đình là đơn vị sản xuất, sự phân công lao động theo giới còn khá phổ biến do nhiều lý do khác nhau, trong đó có yếu tố bảo đảm tối ưu hóa thu nhập và phúc lợi của hộ gia đình. Vì vậy, theo tác giả Lê Ngọc Văn, không nên coi đó là bất bình đẳng giới cần xóa bỏ mà “chỉ nên xoá bỏ những hình thức phân công lao động theo giới nào dẫn đến sự phụ thuộc và phục tùng của phụ nữ đối với nam giới. Nhưng cũng cần duy trì và phát huy những hình thức phân công lao động tạo nên sự hợp tác giữa hai giới.” (Lê Ngọc Văn, 1999: 169). Tuy nhiên, sự phân công lao động nào sẽ dẫn đến sự phục tùng của người phụ nữ đối với nam giới và sự phân công lao động nào dẫn đến sự hợp tác giữa hai giới vẫn còn là một câu hỏi đặt ra đối với các nhà nghiên cứu.

Trong thực tế, nhiều nghiên cứu vẫn mặc nhiên coi phân công lao động theo giới trong gia đình là chỉ báo về bất bình đẳng, thay vì có một sự thao tác hóa khái niệm chặt chẽ và phân tích cụ thể về mức độ bất bình đẳng thể hiện như thế nào qua phân công lao động theo giới. Đó là chưa kể đến việc gán một cách đơn giản sự phân công lao động trong gia đình với thực trạng bình đẳng giới mà thiếu sự phân tích toàn diện các yếu tố kinh tế - nhân khẩu - văn hóa khác nhau tác động đến sự phân công đó.

Còn có ít nghiên cứu đề cập về hậu quả của sự khác biệt giới trong phân công lao động gia đình hay tác động của nó đến vai trò, vị trí của người phụ nữ trong gia đình. Một ảnh hưởng có thể thấy rõ là hoạt động của người phụ nữ chủ yếu bị giới hạn trong phạm vi gia đình. Trong khi đó nam giới được chuẩn bị để tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội ngoài phạm vi gia đình, có cơ hội để thăng tiến trong nghề nghiệp và thu nhập cao. Điều này có thể tạo nên những xung đột về vai trò, trách nhiệm cũng như khác biệt đóng góp thu nhập giữa phụ nữ và nam giới (Lê Ngọc Văn, 2002: 55).

Một hệ quả khác là các công việc chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến nay vốn do phụ nữ thực hiện là chính, thường không được lượng hoá bằng tiền. Do vậy khi tính đến việc đóng góp kinh tế cho gia đình thì phụ nữ thường bị đánh giá thấp và được coi là có vai trò kém hơn nam giới (Đỗ Thị Bình và Trần Thị Vân Anh, 2003: 25). Do đó, cần có sự đánh giá công bằng cho những lao động dường như là nhỏ nhặt, vụn vặt trong gia đình của người phụ nữ so với những lao động dễ định lượng khác của nam giới. Chúng ta còn chưa kể đến một việc cực kỳ quan trọng khác, chỉ có một mình phụ nữ “làm”, không thể chia sẻ giữa vợ và chồng, đó là mang thai, sinh đẻ và cho con bú. Đây là sự phân công lao động bị quyết định bởi sinh học, nhưng có rất nhiều hàm ý kinh tế - xã hội - văn hóa đối với mối quan hệ giới giữa chồng và vợ trong gia đình. Sự phân công này ít được chính các cặp vợ chồng và cả xã hội nhìn nhận là có liên quan đến sự công

bằng trong phân công lao động nói chung. Điều này hầu như bị bỏ quên trong các nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình.

Phân tích các yếu tố tác động đến bình đẳng giới

Một vấn đề đặt ra là việc vận dụng các lý thuyết trong phân tích quyền quyết định hay sự phân công lao động theo giới chưa được coi trọng trong các phân tích thực nghiệm. Vậy những vấn đề gì cần quan tâm khi vận dụng các lý thuyết trong phân tích về quyền quyết định hay phân công lao động ở Việt Nam? Chẳng hạn, theo Lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối (Blood và Wolfe, 1978), người có nhiều nguồn lực hơn sẽ bình đẳng với vợ/chồng hơn trong việc quyết định các công việc gia đình. Có 3 nguồn lực quan trọng quyết định cân cân quyền lực của vợ và chồng trong gia đình là thu nhập, ưu thế nghề nghiệp và trình độ học vấn. Như vậy, giả thuyết có thể rút ra là người có ưu thế nghề nghiệp, học vấn cao hoặc thu nhập cao sẽ có ứng xử bình đẳng hơn trong hệ giới với các quyết định trong gia đình. Trong hầu hết các nền văn hoá, nam giới thường có lợi thế hơn phụ nữ trong việc tiếp cận 3 nguồn lực này và kết quả là họ thường có quyền hơn trong gia đình (Dẫn theo Phạm Thị Huệ, 2008:370).

Tuy nhiên, vai trò của các yếu tố liên quan đến nguồn lực giới được phát huy tác dụng khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế-xã hội và nền văn hóa. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ở Việt Nam không phải lúc nào cũng có quan hệ tỷ lệ thuận giữa đóng góp thu nhập, ưu thế nghề nghiệp đối với vấn đề quyền quyết định trong gia đình. Các tác giả Mai Huy Bích và Lê Thị Kim Lan (1999) chỉ ra rằng trong khi người vợ là người đảm nhận hầu hết các công việc, thậm chí họ mang lại thu nhập chính cho gia đình, nhưng trong nhiều gia đình, phần lớn quyền quyết định thuộc về người chồng, người vợ chỉ là người thực thi các quyết định đó. Ở đây cho thấy, yếu tố văn hoá với quan niệm “trọng nam khinh nữ” có ý nghĩa quan trọng tác động đến vai trò của vợ và chồng trong việc ra quyết định.

Như vậy, bên cạnh việc vận dụng lý thuyết về phân bổ nguồn lực tương đối thì việc chú ý đến vai trò của các yếu tố văn hoá là rất quan trọng. Cần thiết phải tính đến các cách tiếp cận khác nhau khi đánh giá vai trò của từng yếu tố đối với việc ra quyết định.

Tương tự như vậy khi đi tìm lý thuyết thích hợp giải thích cho sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Việt Nam. Các cách tiếp cận Mác xít, cấu trúc-chức năng hay nữ quyền đã thành công trong việc cung cấp cách giải thích lý thuyết đối với vấn đề phân công lao động theo giới cho nhiều xã hội và tại nhiều giai đoạn phát triển (Lê Ngọc Văn, 2008). Tuy nhiên, việc vận dụng các tiếp cận lý thuyết này để giải thích cho thực tế phân công lao động theo giới trong gia đình ở Việt Nam còn chưa được

quan tâm nhiều. Ngoài ra, bên cạnh các lý thuyết đó, liệu còn có lý thuyết nào có thể vận dụng để lý giải về sự phân công lao động theo giới hiện nay. Chẳng hạn, vận dụng lý thuyết hiện đại hoá của Goode (1963) có thể rút ra giả thuyết là những người có học vấn cao hơn, sống ở khu vực đô thị sẽ có sự phân công lao động trong gia đình một cách bình đẳng hơn giữa vợ và chồng. Các phân tích thực nghiệm cần kiểm chứng lại giả thuyết đó.

Các yếu tố kinh tế, văn hoá cũng góp phần lý giải cho khuôn mẫu phân công lao động theo giới hiện hành. Chẳng hạn, xét về yếu tố kinh tế, một trong những lý do dẫn đến sự phân công lao động trong gia đình hiện tại là việc thực hiện mục tiêu tối đa hoá lợi ích của gia đình. Lợi ích của gia đình có thể tính theo nhiều chiều cạnh khác nhau nhưng trong trường hợp này chủ yếu là lợi ích kinh tế. Việc phân công lao động trong gia đình cần làm sao để bảo đảm gia đình có được lợi ích kinh tế cao nhất. Lập luận của người dân là nếu người vợ hay người chồng đã phải vất vả để lao động kiếm tiền thì người còn lại nên chịu trách nhiệm về các công việc trong gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan khác, 2008).

Chính với ý nghĩa để tối đa hoá lợi ích chung của gia đình, trong thực tế, khi người phụ nữ tham gia vào các công việc sản xuất và hoạt động xã hội thì công việc gia đình hầu như được chia sẻ nhiều hơn giữa vợ và chồng. Đặc biệt, đối với những hộ gia đình mà người vợ đóng vai trò trụ cột kinh tế thì sự tham gia của họ đối với việc nội trợ, chăm sóc chồng con giảm đi đáng kể. Trong những trường hợp này, vai trò truyền thống của người vợ chăm lo các công việc gia đình được chuyển giao cho người chồng hoặc các thành viên khác trong gia đình hoặc mua dịch vụ (như thuê người giúp việc). Xu hướng trong xã hội hiện đại là ngày càng chuyển sang mua dịch vụ đối với nhiều việc gia đình, kể cả chăm con nhỏ, người cao tuổi, nấu cơm, giặt giũ, dọn nhà, v.v.. Theo một nghĩa nào đó, cách tiếp cận lựa chọn hợp lý có thể áp dụng ở đây để giải thích cho việc phân công lao động trong gia đình.

Đối với yếu tố văn hoá, điểm nổi bật nhất là định kiến giới truyền thống cho rằng đàn ông như cột cái trong nhà, họ phải là người quyết định mọi việc hay chí ít là quyết định những việc lớn. Quan niệm truyền thống về vai trò giới còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ dân cư và có ý nghĩa chi phối rất lớn đối với sự phân công lao động trong gia đình. Theo quan niệm này, những công việc gia đình phải do phụ nữ đảm nhiệm, còn nam giới phải làm việc quan trọng. Nói cách khác việc nội trợ bị coi là “thiên chức” của phụ nữ! Quan niệm này không chỉ thể hiện ở nam giới mà cả ở phụ nữ (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008).

Một định kiến giới truyền thống khác là việc cho rằng nếu một phụ nữ

thương chồng, thương con thì phải biểu hiện tình thương đó qua việc dành thời gian và công sức chăm lo cho gia đình. Người phụ nữ được dạy như vậy từ nhỏ và tất cả mọi người, cả nam và nữ, đều nhập tâm quan niệm đó và chờ đợi người phụ nữ thể hiện tình thương (nếu có) qua các việc chăm lo cho gia đình. Vì vậy, người phụ nữ luôn cố gắng làm mọi việc trong gia đình. Họ không quan tâm nhiều tới điều những công việc đó vất vả như thế nào, có ảnh hưởng đến sự phát triển của bản thân họ hay không mà coi đó như là trách nhiệm và niềm hạnh phúc của mình, cho dù người phụ nữ cũng phải gánh vác các công việc xã hội khác. Nhiều phụ nữ cho rằng một gia đình hạnh phúc thì không thể thiếu một người vợ đảm đang trong công việc nội trợ, biết thu vén mọi công việc. Bị tác động nặng nề của quan niệm văn hóa truyền thống đó, thậm chí, một số phụ nữ cho rằng, không ai ngoài họ có thể làm tốt những công việc nội trợ, gia đình mà thiếu vắng bàn tay chăm sóc của phụ nữ thì sẽ khó mà nề nếp được (Đặng Thanh Nhân, 2005). Như vậy, quan niệm truyền thống được phụ nữ duy trì tiếp tục nuôi dưỡng sự khác biệt vốn có trong phân công lao động gia đình giữa vợ và chồng theo chuẩn mực văn hóa.

Chính vì định kiến giới như vậy nên nhiều người cho rằng việc người phụ nữ đảm nhận các công việc nhà là đương nhiên và không có gì là bất công cả. Đối với họ, phụ nữ làm những công việc này là khá phù hợp, thậm chí ý kiến của phụ nữ đồng ý về việc này còn cao hơn so với nam giới (Đặng Thanh Nhân, 2005; Vũ Thị Thanh, 2007). Những thành kiến giới về công việc nội trợ sẽ cản trở sự thay đổi của mô hình phân công lao động truyền thống. Chính nhiều người phụ nữ đã tự gắn mình với vai trò người nội trợ trong gia đình.

Như vậy cần có các phân tích sâu hơn những logic xã hội ẩn đằng sau sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Việt Nam và tìm ra những điều hợp lý hay bất hợp lý của sự phân công lao động hiện tại. Cần chỉ ra vì sao khuôn mẫu của sự phân công lao động theo giới trong gia đình có thể tồn tại lâu dài như vậy.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm về quyền quyết định và sự phân công lao động theo giới trong gia đình ở Việt Nam chủ yếu vẫn chỉ dừng ở các mô tả đơn biến về đặc điểm quyền quyết định, thực trạng sự phân công cũng như phân tích tương quan 2 biến mối quan hệ giữa quyền quyết định, sự phân công lao động theo giới và một số đặc điểm hộ gia đình và cá nhân. Những phân tích hai biến hàm chứa khả năng đưa ra nhận định sai lầm về mối quan hệ giữa các yếu tố với quyền quyết định và sự phân công lao động theo giới, bởi lẽ trong mỗi yếu tố đều có đặc điểm của các yếu tố khác mà cách phân tích này không cho phép bóc tách được vai trò của từng yếu tố. Ví dụ, trong nhóm dân cư ở đô thị hay nông thôn (yếu tố khu vực sống) có các nhóm với học vấn khác nhau (yếu tố học vấn) hay

thu nhập khác nhau (yếu tố thu nhập). Như vậy trong quan hệ giữa hai biến số khu vực sống và phân công lao động đã ẩn chứa tác động của yếu tố học vấn hay thu nhập mà cách phân tích này chưa chỉ ra chính xác được.

Nếu sử dụng các mô hình phân tích đa biến thì kết luận có thể khác. Chẳng hạn, trong cuộc khảo sát về nhận thức và thái độ về gia đình của dân cư Hà Nội 2010, khi phân tích hai biến về mối quan hệ giữa khuôn mẫu việc làm của phụ nữ với mô hình ra quyết định trong gia đình cho thấy các yếu tố nơi ở (đô thị/nông thôn), việc làm của người chồng (được trả công/không được trả công) và mức sống hộ gia đình (khá giả/trung bình/ngheo) đều có mối quan hệ chặt chẽ với việc người vợ có phải là người ra quyết định chính hay không. Tuy nhiên, khi đưa các yếu tố này vào mô hình phân tích đa biến cùng với nhiều yếu tố khác thì các yếu tố này không có tác động mạnh đến việc người vợ có là người ra quyết định chính hay không khi giữ các yếu tố khác không đổi (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2014). Vì vậy, mặc dù có những đóng góp nhất định mô tả bức tranh chung về quyền quyết định hay sự phân công lao động theo giới ở Việt Nam hiện nay, việc dừng lại ở các phân tích hai biến chưa giúp ích nhiều cho việc xác định các nguyên nhân tác động, trên cơ sở đó nhìn nhận rõ hơn bản chất của vấn đề ra quyết định hay phân công lao động theo giới và có những đề xuất thích hợp đối với công tác hoạch định chính sách.

Như vậy, việc vận dụng các lý thuyết có liên quan hoặc học hỏi từ những gợi ý của các nghiên cứu đi trước để tạo thêm những biến số phân tích mới nhằm chỉ ra những mối quan hệ thực sự giữa khuôn mẫu quyền quyết định hay sự phân công lao động trong gia đình và các yếu tố kinh tế-xã hội là rất cần thiết. Chẳng hạn, để tính đến vai trò của yếu tố chu trình sống của gia đình, một số tác giả đã không chỉ dừng lại ở việc phân tích về phân công lao động theo giới trong gia đình vào thời điểm hiện tại mà còn phân tích quá trình thay đổi sự phân công lao động đó theo chu trình sống của gia đình, cho dù cách chia mốc thời gian còn đơn giản là so sánh lúc mới kết hôn và thời điểm hiện tại (Đỗ Thiên Kính, 2007; Vũ Thị Thanh, 2007). Các tác giả Vũ Tuấn Huy và Deborah (2004), khi phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện công việc nội trợ, thấy rằng sự tham gia của người chồng có thể phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố nghề nghiệp (đo lường bằng việc người chồng có đi làm ăn xa hay không). Điều đó gợi ra ý tưởng phân tích thêm vai trò của yếu tố nghề nghiệp và sự chuyển đổi nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay khi tìm kiếm nguyên nhân của thực trạng phân công lao động theo giới trong gia đình. Cũng như vậy, việc phân công lao động trong gia đình phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cơ cấu nhân khẩu và nghề nghiệp của hộ gia đình, trong khi những yếu tố này còn ít được các nghiên cứu đề cập. Nếu gia đình có nhiều

người thì khả năng công việc gia đình được các thành viên không phải là người vợ thực hiện sẽ cao hơn. Những người chồng hay đi công tác xa sẽ góp phần làm tăng tỷ lệ người vợ đảm nhiệm công việc gia đình, v.v. (xem thêm Trần Quý Long, 2007).

Điều đó gợi ý rằng cần phải quan tâm đến nhiều yếu tố hơn trong phân tích, đồng thời áp dụng những phương pháp thích hợp nhằm làm rõ mối quan hệ giữa các đặc điểm cá nhân và hộ gia đình với phân công lao động theo giới. Những công cụ phân tích thống kê hiện đại có thể giúp ích nhiều cho các nhà nghiên cứu trong việc đi tìm đặc trưng sự phân công lao động theo giới trong gia đình và bản chất các mối quan hệ giữa khuôn mẫu phân công lao động đó với các yếu tố kinh tế - xã hội ở Việt Nam. ■

Tài liệu trích dẫn

- Blood, Robert. B., Wolfe, Donald. M. 1978. *Husbands & Wives: the Dynamics of Married Living*. Westport: Greenwood Press.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, và Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc. 2008. *Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Đỗ Thị Bình, Trần Thị Vân Anh. 2003. *Giới và công tác giảm nghèo*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đỗ Thiên Kính. 2007. “Mẫu hình việc làm và nghề nghiệp của hai vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 (99), tr. 37-46.
- Lê Ngọc Văn. 1999. “Xoá bỏ phân công lao động theo giới: thực tiễn trong các gia đình nông thôn Việt Nam”. Trong Nguyễn Linh Khiếu (chủ biên), *Nghiên cứu và đào tạo giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, tr. 155-169.
- Lê Ngọc Văn. 2008. Vài nét về lịch sử và các phân tích lý thuyết về phân công lao động theo giới trong gia đình. Báo cáo tại Hội thảo công bố kết quả nghiên cứu khoa học của Viện Gia đình và Giới năm 2007. Hà Nội.
- Lê Thái Thị Băng Tâm. 2008. “Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình”. Chương 5 trong Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên) 2008. Viện Khoa học xã hội Việt Nam 2007. *Bình đẳng giới ở Việt Nam (Phân tích số liệu điều tra)*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, tr. 142-173.
- Lê Thị. 2002. *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Mai Huy Bích, Lê Thị Kim Lan. 1999. “Địa vị phụ nữ ngư dân ở một số làng đánh cá miền Trung”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 3&4. Hà Nội.

- Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh (chủ biên). 2009. *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam - Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân*. Nxb: Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng. 2011. “Tình hình bạo lực trong quan hệ giữa vợ và chồng”. In trong Chuyên khảo của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Unicef & Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới: *Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam (Một số kết quả phân tích sâu Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006)*. Hà Nội.
- Phạm Thị Huệ. 2008. “Quan hệ quyền lực vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp Yên Bái, Tiền Giang và Thừa Thiên Huế”. In trong sách Trịnh Duy Luân (chủ biên.), *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, tr.369-398.
- Tổng cục Thống kê (TCTK). 2010. “*Im lặng là chết*”: *Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*. Hà Nội.
- Trần Quý Long. 2007. “Lao động nội trợ của phụ nữ trong gia đình nông thôn”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (100), tr. 82-89.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam (Phân tích số liệu điều tra)*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Vũ Tuấn Huy, Deborah S. Carr. 2000. “Phân công lao động nội trợ trong gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4-2000, tr. 43-52.
- Vũ Thị Thanh. 2007. *Bất bình đẳng giới trong quan hệ giữa vợ - chồng ở gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay*. Báo cáo điền dã, Lớp Liên ngành Khoa học xã hội, khóa 5.